

Số: 11 /2023/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ học phí cho trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, học sinh trung học phổ thông công lập và ngoài công lập; học viên tại các trung tâm giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm học 2023 - 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ học phí cho trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, học sinh trung học phổ thông công lập và ngoài công lập; học viên tại các trung tâm giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm học 2023 - 2024; Báo cáo thẩm tra số 136/BC-VHXXH ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ một phần học phí năm học 2023 - 2024 cho trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, học sinh trung học phổ thông công lập và ngoài công lập; học viên tại các trung tâm giáo dục thường xuyên theo

chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi đang học thực tế tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài công lập được thành lập hoặc cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

b) Học sinh trung học phổ thông đang học chương trình phổ thông tại các trường trung học phổ thông công lập và ngoài công lập được thành lập hoặc cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

c) Học viên học tại các trung tâm giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông được thành lập hoặc cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

b) Trường hợp có sự trùng lặp về chính sách hỗ trợ học phí quy định tại Nghị quyết này với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao hơn.

2. Mức hỗ trợ

Đối tượng hỗ trợ	Mức hỗ trợ học phí (đồng/tháng/trẻ em, học sinh, học viên)	
	Thành thị (các phường và thị trấn)	Nông thôn (các xã)
Trẻ nhà trẻ	180.000	25.000
Trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi	195.000	55.000
Học sinh trung học phổ thông	210.000	140.000
Học viên tại trung tâm giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	200.000	130.000

3. Thời gian hỗ trợ

Hỗ trợ theo số tháng học tập thực tế tại các cơ sở giáo dục theo quy định, tối đa không quá 09 tháng.

Điều 4. Hình thức hỗ trợ, cách thức thực hiện

1. Hình thức hỗ trợ

a) Ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho các cơ sở giáo dục công lập và các trung tâm giáo dục thường xuyên để thực hiện chính sách hỗ trợ này.

b) Ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi, học sinh trung học phổ thông ngoài công lập để thực hiện chính sách hỗ trợ.

2. Cách thức thực hiện

a) Các cơ sở giáo dục mầm non tổng hợp danh sách các đối tượng được hỗ trợ học phí theo mẫu số 01, mẫu số 03 (đối với cơ sở ngoài công lập) và mẫu số 02, mẫu số 03 (đối với cơ sở công lập) kèm theo Nghị quyết này gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Các cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên tổng hợp danh sách các đối tượng được hỗ trợ học phí theo mẫu số 01, mẫu số 03 (đối với cơ sở ngoài công lập) và mẫu số 02, mẫu số 03 (đối với cơ sở công lập) kèm theo Nghị quyết này gửi Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp kinh phí hỗ trợ theo mẫu số 04 kèm theo Nghị quyết này gửi cơ quan tài chính thẩm định tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp bố trí kinh phí.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố giao dự toán cho các cơ sở giáo dục mầm non công lập cùng với kỳ giao dự toán hàng năm.

đ) Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện hỗ trợ cho trẻ nhà trẻ, trẻ mẫu giáo 3 tuổi, 4 tuổi tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trước ngày 10 hàng tháng.

e) Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán cho Sở Giáo dục và Đào tạo để phân bổ cho các trường trung học phổ thông công lập và trung tâm giáo dục thường xuyên cùng với kỳ giao dự toán hàng năm.

g) Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hỗ trợ cho học sinh tại các trường trung học phổ thông ngoài công lập trước ngày 10 hàng tháng.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Mười Lăm thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 9 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, GDĐT, CTHĐ.

CHỦ TỌA



**Phó Chủ tịch HĐND tỉnh
Mai Ngọc Thuận**

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TÊN ĐƠN VỊ

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ CHO TRẺ/HỌC SINH

(Dùng cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập)

Lớp:

STT	Họ và tên trẻ em/học sinh	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Họ và tên cha mẹ/ người giám hộ trẻ em/học sinh	Địa chỉ cha mẹ/ người giám hộ trẻ em/học sinh	Ghi chú
A	B	1	2	$3 = 1 \times 2$	4	5	6
1							
2							
3							
....							
	Tổng cộng						

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TÊN ĐƠN VỊ

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ CHO TRẺ/HỌC SINH

(Dùng cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập)

Lớp:

STT	Họ và tên trẻ em/học sinh	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú
A	B	1	2	$3 = 1 \times 2$	4
1					
2					
3					
....					
	Tổng cộng				

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TÊN ĐƠN VỊ

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ

Đơn vị: đồng

STT	Khối	Số đối tượng được hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thành tiền
A	B	1	2	3	$4 = 1 \times 2 \times 3$
I	Khối				
1	Lớp				
2	Lớp				
.....					
II	Khối				
1	Lớp				
2	Lớp				
.....					
	Tổng cộng				

....., ngày tháng năm.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND HUYỆN/THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG TỔNG HỢP CẤP BÙ HỌC PHÍ

(Dành cho các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố)

Đơn vị: đồng

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Tổng số học sinh	Mức học phí	Số tháng	Tổng kinh phí cấp bù	Ghi chú
A	B	1	2	3	4 = 1 x 2 x 3	5
1	Trường					
	- Khối					
	- Khối					
					
2	Trường					
	- Khối					
	- Khối					
					
	Tổng cộng					

....., ngày tháng năm.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)